

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/DS-ST

Ngày: 23 - 03 - 2022

V/v “Yêu cầu trả tiền công thuê khoan giếng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiệp và ông Phạm Văn Tiền.

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 06 năm 2021, về tranh chấp “Yêu cầu trả tiền công thuê khoan giếng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1969, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Ia C, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1963, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 71 L, thành phố KonTum, tỉnh K.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Ia Hội, xã Đ, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Phú L, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Huỳnh Công N, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn 6 xã Đ, thành phố K, tỉnh K, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:* Ông Nguyễn Ngọc M (ông Ngọc M) và ông Nguyễn Thanh M (ông Thanh M) có mối quan hệ quen biết do cùng làm nghề khoan giếng với nhau. Khoảng tháng 02 năm 2020 ông Thanh M giới thiệu cho ông

Ngọc M khoan giếng cho ông Nguyễn Phước H (Ông H khoan giếng cho con trai là anh Nguyễn Phú L) tại địa chỉ: Số 155 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Lợi, thành phố K.

Trước khi ông Ngọc M gặp ông H, thì giữa ông Thanh M và ông H đã thỏa thuận về nội dung thuê khoan giếng, theo đó giá thuê là 300.000 đồng/ 1m khoan đất, 700.000 đồng/1m khoan đá, bao gồm cả tiền đặt ống nhựa Hòa Đạt, phi 120; giếng phải có nước mới thanh toán tiền thuê. Khi giới thiệu khoan giếng với ông H, thì ông Thanh M có cho ông Ngọc M biết về sự thỏa thuận này. Khi 3 bên gặp nhau và cùng đến địa điểm khoan giếng tại nhà anh L, thì ông H đồng ý giá khoan và nói khoan giếng có nước mới thanh toán tiền. Việc thỏa thuận khoan giếng không được lập bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi hoàn thành việc khoan giếng, ông Ngọc M bàn giao giếng lượng nước bơm thử được 25 phút thì hết nước, ông Ngọc M không đặt ống nước Hòa Phát theo thỏa thuận, mà đặt ống Hoa Sen. Nên ông H không chấp nhận. Do máy khoan giếng bị hư hỏng nên ông Ngọc M đưa đi sửa, để tiếp tục khoan thêm, đảm bảo lượng nước theo yêu cầu của ông H, nhưng ông H không đồng ý cho ông Ngọc M tiếp tục khoan. Sau đó giữa ông Thanh M và ông H bàn bạc trả tiền công cho ông Ngọc M 4.5000.000 đồng, nhưng ông Ngọc M không đồng ý.

Ông Ngọc M đã khoan giếng được 32 mét đất và 17 mét đá, nhưng ông chỉ tính 30 mét đất và 15 mét đá thành tiền là 19.500.000 đồng. Nên ông Ngọc M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phước H phải trả số tiền khoan giếng là 19.500.000 đồng. Ông Ngọc M không yêu cầu đối với ông Thanh M, vì ông Nguyễn Phước H mới là người thuê ông khoan giếng.

*** Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Phước H:** Tại các bản tự khai ngày 03/8 và ngày 29/12/2021, ông H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngọc M, vì ông không thuê ông Ngọc M khoan giếng, mà ông H thuê ông Thanh M khoan giếng. Cụ thể, vào khoảng tháng 3/2020 ông H có thuê ông Thanh M khoan 01 giếng nước ở đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Lợi, thành phố K và đã trả đủ tiền công 14.000.000 đồng cho ông Thanh M. Ông H không biết ông Ngọc M là ai, việc ông Ngọc M thực hiện khoan giếng là do ông Thanh M thuê như thế nào thì ông H không biết. Vì vậy, ông Thanh M phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Ngọc M. Ông không có trách nhiệm gì với ông Ngọc M.

*** Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M:** Tại các bản tự khai ngày 08/5, 14/9 và ngày 29/12/2022, ông Thanh M có ý kiến, vào khoảng tháng 3/2020 ông có nhận khoan giếng cho ông H, nhưng do bận công việc nên ông thuê lại ông Ngọc M làm. Ông có thỏa thuận với ông Ngọc M là khoan phải đủ nước và phải đặt ống nước Đạt Hòa thì mới được thanh toán tiền, nhưng ông Ngọc M thực hiện khoan giếng và đã đặt ống nước không đúng như thỏa thuận và giếng không có nước, nên ông Thanh M phải khoan lại cho ông H 01 giếng nước khác và ông đã nhận đủ số tiền 14.000.000 đồng tiền công khoan giếng từ ông H. Ông Phước H không liên quan gì đến việc ông Ngọc M khoan giếng cho ông H, mà ông là người phải chịu trách nhiệm với ông H. Ông

Ngọc M không thực hiện đúng theo thỏa thuận, nên ông không trả tiền cho ông Ngọc M. Việc thỏa thuận khoan giếng bằng miệng, không có văn bản.

*** Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** anh Nguyễn Phú L: Tại Bản tự khai ngày 10/9/2021 anh L có ý kiến, anh L là người chỉ vị trí khoan giếng cho ông Ngọc M, vì nhầm tưởng ông Ngọc M là ông Thanh M người được ông H thuê khoan giếng. Ông Ngọc M khoan được 30 mét đất và 17 mét đá, nhưng khi bơm chỉ được 10 phút thì hết nước. Theo thỏa thuận ban đầu với ông Thanh M, khoan giếng phải xả đủ nước theo yêu cầu là một ngày, một đêm thì mới thanh toán tiền. Khi ông Ngọc M báo đã khoan xong, nghiệm thu chỉ được 10 phút bơm nước nên chưa đủ yêu cầu nghiệm thu nên anh L không nhận giếng. Hiện tại giếng không sử dụng được và đã bị lấp đổ nền bê tông ở trên. Ông Thanh M đã khoan cho ông H 01 giếng nước khác để anh L sử dụng. Anh L không chứng kiến việc thỏa thuận khoan giếng giữa các bên.

*** Kết quả xem xét thẩm định:**

Ông Ngọc M cho rằng ông khoan giếng có nước, hiện anh L (con anh H) đang sử dụng giếng khoan, do đó ông đề nghị xem xét thẩm định để khẳng định nội dung này.

Kết quả xem xét: Hiện trạng tại khu vực khoan giếng đã thay đổi do anh L đã làm sân đổ nền bê tông trên bề mặt, nên các đương sự và Hội đồng không xác định được vị trí chính xác của giếng khoan. Việc xác định vị trí của giếng khoan cần phải thuê đơn vị thi công đào mức bề rộng mặt bê tông khoảng 4m². Tuy nhiên ông Ngọc M không yêu cầu thực hiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn và người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định.

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp về “Yêu cầu trả tiền công thuê khoan giếng” và bị đơn có địa chỉ tại thành phố K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn ông H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thanh M và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan là đúng luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Phước H. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, tranh chấp giữa các đương sự xuất phát từ giao dịch dân sự về thuê khoan giếng có trả tiền công, nên xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu trả tiền công thuê khoan giếng”. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố K nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Bị đơn ông H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thanh M và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

Về nội dung:

[1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các bên đương sự, có cơ sở xác định ông Ngọc M là người trực tiếp khoan giếng cho ông H. Do đó điều này không cần phải chứng M theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M buộc ông Nguyễn Phước H phải trả tiền công thuê khoan giếng là 19.500.000 đồng. Xét thấy:

Ông Ngọc M cho rằng ông H là người trực tiếp thuê ông khoan giếng, nên ông H phải chịu trách nhiệm trả tiền thuê khoan giếng. Ngoài lời khai này thì ông Ngọc M không có tài liệu chứng cứ chứng M cho lời khai của mình là có căn cứ. Trong khi đó lời khai của ông không được ông H và ông Thanh M thừa nhận. Ông H khẳng định, ông không thuê ông Ngọc M khoan giếng, mà ông H thuê ông Thanh M, còn việc ông Thanh M thuê lại ông Ngọc M khoan giếng như thế nào thì ông H không biết. Ý kiến này của ông H cũng phù hợp với lời khai của ông Thanh M về việc ông H là người thuê ông Thanh M khoan giếng, nhưng do bản công việc nên ông Thanh M thuê lại ông Ngọc M. Như vậy, không có căn cứ chứng M giữa ông Ngọc M và ông H có thỏa thuận với nhau về giao dịch dân sự thuê khoan giếng cho ông H.

Theo quy định của pháp luật thì khi các bên cùng thỏa thuận thực hiện giao dịch dân sự, thì trách nhiệm dân sự, tức là quyền và nghĩa vụ của các bên mới phát sinh. Do đó, khi giữa ông H và ông Ngọc M không có giao dịch dân sự, thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ gì với nhau.

Căn cứ vào lời khai của ông H và sự thừa nhận của ông Thanh M, thì ông Thanh M mới là người trực tiếp thuê ông Ngọc M khoan giếng cho ông H, nên giữa ông Thanh M và ông Ngọc M mới phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau mà có liên quan đến việc ông Ngọc M khoan giếng cho ông H. Nhưng ông Ngọc M không yêu cầu đối với ông Thanh M, nên HĐXX không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy ông Ngọc M yêu cầu ông H phải chịu trách nhiệm trả tiền khoan giếng cho ông là không có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu 975.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và phải chịu 800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 385, 513, 514 Bộ luật Dân sự. **Xử:**

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện về “Yêu cầu trả tiền thuê khoan giếng” đề ngày 15/06/2021 của ông Nguyễn Ngọc M đối với ông Nguyễn Phước H.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 975.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được trừ vào số tiền 487.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số: 0005066, ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Ông Nguyễn Ngọc M còn phải nộp tiếp số tiền **488.000** (Bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng;

- Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông M đã nộp đủ số tiền 800.000 đồng này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/3/2022). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS tp. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài